

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: Công ty TNHH Piaggio Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Lô M, KCN Bình Xuyên, TT Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: PIAGGIO
- 1.5. Tên thương mại: Beverly 400 HPE
- 1.6. Mã kiểu loại (số loại): MD2/2/00
- 1.7. Số giấy chứng nhận: 21KXM/391622
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4997/NETC-M/21/C ngày: 06/09/2021

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 195 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 380 kg
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: MD22M loại động cơ: xăng, 4 kì, làm mát bằng chất lỏng
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh): 399 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/ số vòng quay: 26 kW/ 7500 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Phun nhiên liệu
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Tự động
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:...../...../...../...../...../.....
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 7,170
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 120/70 16 M/C 57S áp suất: 220 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 150/70 14 M/C 66S áp suất: 240 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 139 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 2726:2013
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 4,13 l/100 km



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50 x70 (mm)

NHÃN NĂNG LƯỢNG

.....
Lit/100km

SỐ BC TN:.....

NHÃN HIỆU:.....

TÊN THƯƠNG MẠI:.....

NHÀ NHẬP KHẨU:.....

.....

DUNG TÍCH XY LẠNH:.....

QUY CHUẨN ÁP DỤNG:.....

CHU TRÌNH THỬ:.....

Ghi chú: Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng kỹ năng lái xe và tình trạng bảo dưỡng kỹ thuật của xe

5. Ghi chú: (Nếu có):

Mức tiêu thụ nhiên liệu thực tế có thể thay đổi do điều kiện sử dụng, kỹ năng lái xe và tình trạng kĩ thuật bảo dưỡng của xe.



TRƯỞNG PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN
Nguyễn Xuân Hiếu

Ghi chú:

- (1) Gạch ngang phần không áp dụng
- (2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại;
Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm.